

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Hòa

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ việc thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Q; Sinh năm: 1987

HKTT: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P; Sinh năm: 1983

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn đề ngày 10/02/2022 và trong các bản tự khai, anh Nguyễn Văn P và chị Bùi Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Bùi Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/2005. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh P và chị Q đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/8/2007 và Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 16/8/2011. Ly hôn, anh P và chị Q thỏa thuận, anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà M, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh P và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, anh P không có mặt để tham gia phiên họp hòa giải. Trong khi đó, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và có đơn đề nghị chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết. Do đó, Tòa án đã Thông báo chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn P được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/8/2007 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 16/8/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Anh P đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải hai lần nhưng anh P đều không đến để tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa, chị Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q và anh P.

[4]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Bùi Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/2005 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh P

và chị Q đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh P và chị Q đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị Q và anh P đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn P được ly hôn.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, chị Q và anh P thỏa thuận, chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng L, anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hà M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy, bản thân cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu M có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Q và anh P.

[6]. Về tài sản: Chị Q và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/8/2007 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 16/8/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Q, anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Q chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007570 ngày 25/02/2022, chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn P. Chị Q và anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**